

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-12-2022

V/v: Ly hôn và tranh chấp

nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Xuân Nghiêm.

2. Ông Phạm Văn Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng tham gia phiên tòa: Bà Chu Hương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thẩm thụ lý số 205/2022/TLST-HNGĐ ngày 17/10/2022 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/12/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phùng Thị Thu H sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Đặng Văn T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/9/2022, các lời khai, yêu cầu, đề nghị trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị Thu H và anh Đặng Văn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn ngày 04/8/2020, trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau cho đến tháng 12 năm 2021 bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Theo chị trình bày, do anh Đặng Văn T không giúp đỡ vợ nuôi dưỡng, chăm sóc con khi ốm đau; kể từ đầu năm 2022, không đưa tiền chi tiêu sinh hoạt gia đình. Vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng trong quan điểm sống bởi anh Đặng Văn T gia trưởng, không tôn trọng ý kiến của vợ, mỗi khi tranh

cãi là lại có những lời lẽ xúc phạm vợ. Tháng 7/2022, khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã anh T đã đuổi chị ra khỏi nhà; kể từ đó vợ chồng bắt đầu ly thân, chị Phùng Thị Thu H chuyển về nhà mẹ đẻ ở thôn C, xã M sinh sống, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên chị Phùng Thị Thu H yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Văn T.

Về con chung: Có 01 con chung, cháu Đặng Cao D, sinh ngày 20/8/2020. Từ nhỏ đến nay, con chung đều do chị chăm sóc bởi anh Đặng Văn T làm việc tại Hợp tác xã nông sản, thường xuyên đi xa, ít có thời gian quan tâm, chăm sóc con. Hiện nay, cháu đang ở ổn định cùng chị tại nhà ông bà ngoại tại thôn C, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, học lớp mẫu giáo 2 tuổi trường Mầm non xã M (cách nhà ở khoảng 1km, gần nơi chị làm việc). Ông bà ngoại của cháu vẫn còn sức khỏe tốt, có thể giúp chị đưa đón cháu khi bận công việc đột xuất; sau này, ông bà ngoại sẽ cho mảnh đất gần nhà chính, hỗ trợ xây nhà để đảm bảo điều kiện về chỗ ở cho hai mẹ con. Hiện nay chị Phùng Thị Thu H đang làm Bí thư Đoàn thanh niên tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, thu nhập trung bình hàng tháng là 6.940.800 đồng. Nguyên đơn xác định hiện cháu còn nhỏ dưới 3 tuổi và bản thân chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu phát triển học tập như những đứa trẻ bình thường khác, do đó yêu cầu được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Yêu cầu anh Đặng Văn T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 01/2023, đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh T trả lãi suất quá hạn do chậm trả đối với khoản tiền phải thi hành án.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có; không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại các lời khai, yêu cầu, đề nghị trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Đặng Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Văn T xác nhận chị Phùng Thị Thu H trình bày về việc có được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn là đúng. Quá trình chung sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, một phần do nguyên nhân kinh tế; phần do không tìm được tiếng nói chung vì vợ thường có suy nghĩ tiêu cực, phát biểu tranh luận không có tính chất xây dựng, không lắng nghe sự trao đổi, góp ý của anh dẫn đến việc cãi vã. Khi mâu thuẫn căng thẳng, do nóng giận, anh không kiềm chế được cảm xúc nên đã dùng lời lẽ xúc phạm, có lần lỡ lời đuổi chị H ra khỏi nhà. Anh thừa nhận, thời gian làm ở Hợp tác xã nông sản, do tính chất công việc phải thường xuyên đi làm xa nên ít có thời gian dành cho vợ con. Quá trình giải quyết vụ án, anh đã cố gắng níu kéo nhưng đến phiên hòa giải ngày 30/11/2022 do chị Phùng Thị Thu H vẫn nhất quyết ly hôn, nên anh Đặng Văn T nhất trí thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung, cháu Đặng Cao D, sinh ngày 20/8/2020. Hiện nay, bị đơn đã nghỉ làm ở hợp tác xã nông sản và kinh doanh tự do, thu nhập trung bình hàng tháng khoảng 07 đến 08 triệu đồng/tháng; ngoài ra còn có ông bà nội của cháu D phụ giúp chăm sóc. Trường hợp được nuôi con, bị đơn không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, bị đơn nhất trí đề

cho chị Phùng Thị Thu H được trực tiếp nuôi con và nhất trí cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng, đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi; kể từ tháng 01/2023 và không phải chịu lãi suất quá hạn do chậm thi hành án.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật, quan điểm đề nghị giải quyết vụ án:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng có thẩm quyền thụ lý vụ án, thực hiện thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn; việc thu thập tài liệu chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng, thực hiện các bước tố tụng trước khi xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật tố tụng, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Đề nghị áp dụng các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình ; chấp nhận yêu cầu khởi kiện, công nhận thuận tình ly hôn cho chị Phùng Thị Thu H và anh Đặng Văn T do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về con chung: Khi ly hôn, chị Phùng Thị Thu H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Đặng Cao D đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi; anh Đặng Văn T cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 01/2023 và không phải chịu lãi suất chậm trả. Anh Đặng Văn T có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Phùng Thị Thu H có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung nên xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn anh Đặng Văn T có nơi cư trú tại thôn Đ, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân; căn cứ vào lời khai của đương sự, các chứng cứ do đương sự cung cấp và các tài liệu do Tòa án thu thập có đủ cơ sở để xác định: Chị Phùng Thị Thu H và anh Đặng Văn T có đăng ký kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn trong khoảng thời gian dài, bắt đầu từ cuối năm 2021 nguyên nhân do không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống về chăm sóc gia đình, nuôi dạy con cái, chi phí sinh hoạt chung cho gia đình. Mỗi khi có mâu thuẫn, cãi vã anh Đặng Văn T không kiềm chế được cảm xúc bản thân, dùng những lời lẽ xúc phạm, thậm chí có lần đã đuổi vợ ra khỏi nhà. Bản thân chị Phùng Thị Thu H

xác định còn tình cảm và không còn quan tâm đến cuộc sống của chồng, dẫn đến việc hai vợ chồng ly thân từ tháng 7/2022 cho đến nay.

[3] Quá trình giải quyết, Tòa án đã nhiều lần tiến hành khuyên bảo, hóa giải mâu thuẫn để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ nuôi dạy con cái, xây dựng gia đình hạnh phúc. Anh Đặng Văn T có mong muốn được đoàn tụ tuy nhiên không thể hiện được bằng hành động, thiện chí thay đổi, nỗ lực hàn gắn trong khi đó chị Phùng Thị Thu H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không tồn tại nên nhất quyết xin ly hôn. Tại phiên hòa giải ngày 30/11/2022 diễn ra trước khi mở phiên tòa, anh Đặng Văn T đã thay đổi quan điểm, nhất trí ly hôn để cả hai được giải thoát khỏi cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc; xét thấy việc thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện nên cần được công nhận.

[4] Về con chung; quá trình giải quyết vụ án hai vợ chồng đều yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Xét đề nghị của chị Phùng Thị Thu H về việc nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thấy rằng: Hiện tại cháu Đặng Cao D, sinh ngày 20/8/2020, thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình đối với con dưới 36 tháng tuổi được giao cho người mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để thực hiện hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác. Về điều kiện nuôi con, bản thân chị Phùng Thị Thu H không bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự; có chỗ ở tại nhà bố mẹ đẻ, có công việc làm ổn định với mức thu nhập trung bình 6.940.800 đồng/tháng; trường mẫu giáo hiện cháu đang học chỉ cách nhà 1km, gần nơi chị H công tác. Thực tế kể từ khi ly thân, con chung ở với mẹ đảm bảo sức khỏe, học tập; ngoài ra còn có sự giúp đỡ, hỗ trợ của ông bà ngoại. Có căn cứ xác định, chị Phùng Thị Thu H cơ bản đảm bảo các điều kiện, khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung phát triển một cách bình thường như những đứa trẻ khác.

[5] Về phía anh Đặng Văn T tự trình bày hiện đang làm kinh doanh tự do và có thu nhập, chỗ ở nhưng chưa thực hiện việc cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phùng Thị Thu H yêu cầu anh Đặng Văn T cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000 đồng/tháng đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi là nguyện vọng chính đáng, đảm bảo quy định người không trực tiếp nuôi con, có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và phù hợp đạo đức, truyền thống bảo đảm quyền lợi cho con chung chưa thành niên. Bản thân anh Đặng Văn T trình bày có đủ điều kiện, khả năng kinh tế do hiện đang có công việc và thu nhập khoảng 7.000.000 - 8.000.000 đồng/tháng.

[7] Tại phiên tòa, sau khi được hòa giải các đương sự đã nhất trí thỏa thuận về việc sau khi ly hôn chị Phùng Thị Thu H sẽ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và anh Đặng Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng, thực hiện kể từ tháng 01 năm 2023 cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi; bị đơn không phải chịu lãi suất chậm trả do nguyên đơn không yêu cầu. Xét thấy thỏa thuận của các

đương sự hoàn toàn tự nguyện và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử cần công nhận.

[8] Việc giao con cho người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, các bên đương sự có quyền đề nghị thay đổi trong quá trình nuôi dưỡng sau này theo quy định pháp luật.

[9] Về tài sản chung và khoản nợ chung : Các đương sự không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Phùng Thị Thu H và anh Đặng Văn T đều thuận tình ly hôn nên mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ án phí ly hôn sơ thẩm và anh Đặng Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con không có giá ngạch để nộp Ngân sách nhà nước.

[11] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành và tham gia tố tụng là đúng thực tế, phù hợp với tài liệu thu thập trong hồ sơ và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa. Quan điểm về việc đề nghị giải quyết nội dung vụ án hoàn toàn phù hợp với các nhận định nêu trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 5; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Quan hệ hôn nhân

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phùng Thị Thu H và anh Đặng Văn T.

(Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn ngày 04/8/2020).

2. Con chung.

Chị Phùng Thị Thu H và anh Đặng Văn T có 01 con chung là cháu Đặng Cao D, sinh ngày 20/8/2020.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

2.1. Khi ly hôn, chị Phùng Thị Thu H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi cháu Đặng Cao D trưởng thành, đủ 18 tuổi; anh Đặng Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.2. Anh Đặng Văn T có nghĩa vụ thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Đặng Cao D số tiền 2.000.000đ/tháng (hai triệu đồng/một tháng); thời điểm thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con chung bắt đầu thực hiện kể từ tháng 01 năm 2023 cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Anh Đặng Văn T không phải chịu lãi xuất chậm trả đối với khoản tiền chậm thi hành án (do chị Phùng Thị Thu H không yêu cầu).

3. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Khoản nợ chung: Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí:

5.1. Chị Phùng Thị Thu H phải chịu số tiền 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm để nộp Ngân sách nhà nước; xác nhận đã thi hành đủ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0004373 ngày 17/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn; sau khi khấu trừ, chị Phùng Thị Thu H được hoàn trả số tiền 225.000đ (hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

5.2. Anh Đặng Văn T phải chịu số tiền 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con để nộp Ngân sách nhà nước.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h.Hữu Lũng, T. Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện H, T. Lạng Sơn;
- UBND xã M, huyện H, T. Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Mạnh Cường